

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ KHOAN DUNG TÔN GIÁO

HỒ TRỌNG HOÀI^(*)

Nhân loại đang chứng kiến sự phát triển cực kì đa dạng và thụ hưởng những thành tựu kì diệu của chính bàn tay và khối óc của mình. Tuy nhiên trong sự phát triển vũ bão của xã hội ngày nay cũng tiềm tàng những nghịch lí mà nhiều nghịch lí đã trở thành hiểm hoạ đe dọa những thành tựu cùng sự tồn tại của tộc loại. Trong lĩnh vực tôn giáo, chúng ta thấy, không ai khác, chính con người, được sự thôi thúc của nhu cầu sống đã sáng tạo ra tôn giáo song cũng thật trở trêu, kể từ ngày ấy, chính họ phải gánh chịu những hậu quả từ chính sản phẩm của sự sáng tạo của mình. Những cuộc chiến tranh và xung đột dân tộc và tôn giáo, sự kì thị về tín ngưỡng diễn ra trong nhiều quốc gia, khu vực và trên toàn thế giới chứng minh rằng tôn giáo đã, đang và sẽ là nguyên nhân hay nguyên cơ. Thêm vào đó, xu thế thế tục hóa của tôn giáo trong xã hội hiện đại đang làm xuất hiện nhiều dạng thức tôn giáo mới mà không thiếu những dạng thức phản nhân văn và phi nhân tính. Những nghịch lí đó buộc con người phải nhanh chóng phản tỉnh, tự rút ra bài học trên cơ sở những lỗi lầm để đưa ra một cách nhìn, một lối ứng xử phù hợp với bản tính người trong xã hội văn minh. Trong bối cảnh đầy biến động của xã hội, C. Mác vĩ đại lại nhắc ta: "*con người là một sinh vật có tính loài ...*"⁽¹⁾ Đó là lời cảnh tỉnh để lí trí của chúng ta nhận ra

rằng, không thể trông chờ sự bắt đầu của một ai đó hay cho rằng điều đó không phải là công việc của tôi ..., ngược lại tất thấy đều phải tự nhìn lại, điều chỉnh và cùng hành động. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, phương cách ứng xử thế nào? Phủ định hay tiếp nhận? Thù hận hay khoan dung? ... Ở đây vấn đề đặt ra buộc ta phải dứt khoát lựa chọn, đó là: khoan dung. Lịch sử và truyền thống của nhân loại đã dạy ta rằng, khoan dung là thuộc tính có tính toàn nhân loại bởi ngay trong tổ chức xã hội đầu tiên, con người đã biết khoan dung với đồng loại để cố kết, duy trì sự tồn tại và phát triển cộng đồng. Phương Đông cổ đại giàu truyền thống nhân bản cũng đã từng khẳng định lối ứng xử đó, một lối ứng xử đã trở thành giá trị của nhiều dân tộc trong đó có dân tộc Việt Nam. Phương Tây cổ đại cũng không khó tìm giá trị đó. Xôcrát đã từng khuyên, con người hãy tự ngắm nhìn chính mình để rồi khoan dung với tha nhân, với đồng loại.

Cả ngàn năm thời Trung cổ ở phương Tây, đức khoan dung tôn giáo có khi bị lãng quên bởi sự lấn lướt của chủ nghĩa cục bộ và kì thị tín ngưỡng, song nó cũng không hề mất. Ngược lại nó vẫn được duy trì để rồi loé sáng vào thời đại

*. TS. Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

1. C.Mác. *Bản thảo kinh tế-triết học*. Mác-Ăngghen. *Tuyển tập*. Tập 1. Nxb ST. Hà Nội 1960. tr. 116.

Phục hưng. Trong thời kì thực dân, đế quốc, cũng nhiều khi đút khoan dung bị lợi dụng, bị chà đạp bởi những lợi ích và toan tính ích kỉ, thiếu cặn nhưng cũng đến lúc không một thế lực nào ngăn cản được sự hiện diện và vị thế của nó trong xã hội hiện đại.

Là đỉnh cao của chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn, chủ nghĩa Mác, tự nó là sự khoan dung bởi khát vọng của nó là sự khắc phục “*sự tha hóa*” bản chất người, bởi nó muốn tạo ra một sinh quyển sống ở đó “*Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*”⁽²⁾. Mặc dù thế giới quan mácxít là khác biệt với thế giới quan tôn giáo song nó chủ trương khắc phục sự khác biệt trên cơ sở khoan dung - tôn trọng triệt để quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của con người. Nó chủ trương không xâm phạm đến đức tin bằng những biện pháp hành chính hay mệnh lệnh, bằng sự đàn áp hay tuyên chiến. Cao hơn nữa, nó chủ trương kiến tạo một “*Thiên đường*”, một cõi “*Bồng lai*” ngay chính ở cõi trần. Giả định có ai đó còn khát khao vào một thế giới thần tiên sau cái chết ắt hẳn cũng thấy hạnh phúc hơn khi được nếm hương vị ngọt ngào ở chốn trần gian. Ngoài ra, chủ nghĩa Mác còn chủ trương thực hành sự bình đẳng tôn giáo trong cả tư tưởng và hành động. Sự khoan dung đó đủ nói lên rằng, đó là sự vượt trội so với tư tưởng về một “*trung tâm Châu Âu*” hay là sự phủ nhận tín ngưỡng của người khác và xem đó là “*Dị*” hay “*Tà*” giáo đã từng tồn tại trong tâm thức của nhiều người Châu Âu.

Được sống trong mạch ngầm của sự khoan dung - vốn là truyền thống của dân tộc và thụ hưởng tinh hoa của chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh là hiện thân của sự khoan dung tôn giáo. Vốn văn hóa của mọi dân tộc được thẩm thấu qua mạch ngầm văn hóa truyền thống, được chưng cất và trở thành lớp sa bồi văn hóa trong Hồ Chí Minh.

Ở Người, chúng ta thấy có sự hiện diện của những giáo huấn về khoan dung của Khổng - Mạnh, của Phật giáo cùng nhiều tôn giáo và hệ tư tưởng xã hội khác. Ở Hồ Chí Minh có lí tưởng về một “*Thế giới đại đồng*”, có tư tưởng “*Tứ hải giai huynh đệ*”; “*Kỉ sở bất dục vật thi ư nhân*”, “*Kỉ dục lập nhi lập thân*”, “*Kỉ dục đạt nhi đạt nhân*” ... Chúng ta cũng tìm thấy tư tưởng về “*Từ, Bi, Hỉ, Xả*”, về “*Lợi lạc quần sinh vô ngã vị tha*”... của Phật giáo cũng như tìm thấy sự góp mặt của lòng “*Bác ái*” của Chúa Kitô... Tuy nhiên, đó không thể và không phải là số cộng những giá trị về khoan dung mà là sự tích hợp để kết tinh trong một tổng hợp về tư tưởng và biểu hiện trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Theo chúng tôi, khoan dung tôn giáo là một trong những trụ cột tư tưởng để định vị lối ứng xử đối với tôn giáo ở Hồ Chí Minh. Sở dĩ như vậy vì mấy lẽ sau:

Thứ nhất: Hồ Chí Minh quan niệm, mọi người Việt Nam, không phân biệt già, trẻ, trai, gái, tín ngưỡng... đều là con Hồng cháu Lạc trong một nghĩa thiêng liêng nhất- đồng bào. Đã có lần Hồ Chí Minh bộc bạch, đồng bào ta, Nam cũng như Bắc, trai cũng như gái cũng giống như những ngón tay có ngón ngắn, ngón dài nhưng đều có chung một bàn tay.

2. Mác-Ăngghen. *Tuyển tập*. Tập 1. Nxb. ST. Hà Nội 1980, tr .569.

Chính vì vậy, theo Bác, sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp chung, và thành quả của cách mạng thì tất cả mọi người đều được hưởng và Hồ Chí Minh đã dành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp đó. Trong “*Di chúc*” Bác đã nhắc lại rằng: Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho nước ta được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm no, áo ấm và được học hành. Cũng chính nhờ đức khoan dung nên Hồ Chí Minh khẳng định: độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào là mẫu số chung của hết thảy mọi người Việt Nam yêu nước. Trong “*Lời cảm ơn đồng bào Công giáo*” ngày 14/10/1945 Người viết: “*Tôi thay mặt chính phủ cảm ơn bức thư các vị đã gửi cho chúng tôi. Trong thư nói:*

“*Dù phải hi sinh xương máu để kiến thiết một nước nhà tự do hạnh phúc hoàn toàn, thì chúng tôi cũng sẵn sàng không ngần ngại*”.

Câu nói nhiệt thành đó tỏ rằng các vị là những người chân chính yêu nước, đồng thời cũng chính là những tín đồ chân chính của đức Giêsu”⁽³⁾.

Thứ hai: Đức khoan dung tôn giáo ở Hồ Chí Minh đã xuyên suốt mọi tư tưởng và lối ứng xử của Người mà biểu hiện của nó là sự tôn trọng triệt để quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào có đạo. Mặc dù là người cộng sản, có thể giới quan “*trái ngược*” với thế giới quan tôn giáo, song Bác hiểu rằng, đức tin tôn giáo có cơ sở từ những hạn chế của các mối quan hệ của con người với tự nhiên, xã hội và nếu bị xúc phạm sẽ đưa lại nhiều hậu quả tiêu cực, vì vậy đúng đắn nhất, nhân bản nhất là phải tôn trọng nó. Hơn nữa tự do tư tưởng (trong đó có tự do tín ngưỡng, tôn giáo) là thành quả của cuộc

đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân loại mà thành quả đó chỉ có thể đạt được bắt đầu từ sau thắng lợi của cách mạng tư sản dân quyền. Vì vậy cách mạng phải tiếp tục bảo vệ, duy trì thành quả đó. Chính vì lẽ đó, một ngày sau khi nước nhà tuyên bố độc lập, thay mặt Chính phủ lâm thời Người đề nghị: “*Tôi đề nghị Chính phủ tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết*”⁽⁴⁾. Trong buổi lễ ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “*Chúng tôi xin nói thêm hai điểm, nói rõ để tránh mọi sự có thể hiểu lầm*.”

Một là, vấn đề tôn giáo, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người⁽⁵⁾.

Có thể nói, nhờ đức khoan dung trong ứng xử với tôn giáo mà Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua muôn ngàn thử thách, vượt trên những thử đoạn xuyên tạc, vu khống thâm độc của kẻ thù để đoàn kết toàn dân, tập trung lực lượng kháng chiến, và kiến quốc thành công.

Là một nhà chính trị lỗi lạc, một danh nhân văn hóa kiệt xuất, Hồ Chí Minh tôn trọng tự do tín ngưỡng của đồng bào có đạo và thực hành chiến lược đoàn kết toàn dân còn bởi hai lẽ sau:

1. Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, bởi thế nếu không thực hiện khoan dung tôn giáo thì chắc chắn xung đột tôn giáo là điều khó tránh khỏi. Lịch sử tồn tại

3. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995. Tập 4, tr. 50.

4. Hồ Chí Minh. *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995. Tập 4, tr. 9.

5. Hồ Chí Minh. Lời kết của buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-8-1951. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995. Tập 6, tr. 184.

của các tôn giáo trên thế giới đã cho thấy, các tôn giáo đều có tính cục bộ, đều cố gắng tìm cách đề cao tôn giáo của mình mà hạ thấp, thậm chí phủ nhận tôn giáo khác. Đó là một trong những nguyên nhân của các xung đột, của các cuộc chiến tranh tôn giáo mà đến tận ngày hôm nay nhân loại vẫn đang được chứng kiến.

Hơn nữa, đã là đức tin chân chính thì cần thiết đều phải được tôn trọng như nhau. Vì vậy Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương bình đẳng tôn giáo và không chấp nhận có tôn giáo là quốc đạo. Ở đây, nếu được làm phép so sánh, có thể thấy rằng, mọi tôn giáo chân chính đều chủ trương khoan dung nhưng kết cục vẫn chưa thực hiện được. Ngày nay nhiều giáo hội trên thế giới cũng đang chủ trương đại kết nhưng điều đó còn quá xa vời, thậm chí vẫn xảy ra những xung đột ngay trong lòng tôn giáo của mình. Trong dịp trả lời các nhà báo ngày 12-7-1946, Hồ Chí Minh nhắc lại rằng, “*cách đây hơn 2000 năm đức Chúa Giêsu đã nói là ta phải yêu mến các kẻ thù của ta. Điều đó đến bây giờ vẫn chưa thực hiện được*”⁽⁶⁾. Giai cấp tư sản khi thống trị xã hội cũng chủ trương tự do tôn giáo nhưng nhiều nước vẫn có quốc đạo và những tôn giáo nhỏ yếu vẫn bị chèn ép. Hồ Chí Minh, vì vậy, đã vượt lên trên trình độ đó để đạt đến một vị thế đặc biệt khi Người thực hiện khoan dung.

2. Hồ Chí Minh nhận thức rằng, không thể thay đổi đức tin bằng sự cưỡng bức. Ngược lại chỉ có thể thay đổi nó thông qua hoạt động cách mạng, hoạt động thực tiễn nhằm tạo lập một xã hội mà ở đó những cơ sở cho sự tồn tại của đức tin được khắc phục. Vì vậy, mọi nỗ lực của

Người là nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, là quyết tâm giữ vững nền tự do độc lập cho Tổ quốc, bởi theo Người, nước có độc lập thì tôn giáo mới được tự do. Người nói: “*Từ ngày nước ta trở nên Dân chủ cộng hoà, hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện.*”

Thế là: nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ dàng mở mang”⁽⁷⁾.

Ngoài các khía cạnh trên, sự khoan dung tôn giáo ở Hồ Chí Minh còn là thái độ cầu thị khi nghiên cứu các tôn giáo, đồng thời biết rút tỉa ở đó những ý tưởng, những cách đặt vấn đề, những giá trị có ý nghĩa. Hồ Chí Minh tôn trọng những ý tưởng nhân đạo của các vị sáng lập các tôn giáo. Với Chúa Giêsu, Người nói: “*Đức Giêsu hi sinh vì muốn loài người được tự do hạnh phúc*”⁽⁸⁾, “*Suốt đời Ngài chỉ hi sinh phấn đấu cho tự do, cho dân chủ*”⁽⁹⁾, “*Cả đời Người chỉ lo cứu thế độ dân, hi sinh cho tự do, bình đẳng*”⁽¹⁰⁾.

Với đức Phật, Người nói: “*Đức Phật là đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hi sinh tranh đấu diệt lũ ác ma*”. “*Phật Thích Ca là một người quý tộc. Người đã bỏ hết công danh phú quý để cứu vớt chúng sinh*”⁽¹¹⁾.

Thứ ba: Khoan dung tôn giáo ở Hồ Chí

6. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. CTQG Hà Nội 1995. Tập 4, tr. 272.

7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 5, tr. 197.

8. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 4, tr. 50.

9. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 5, tr. 121-122.

10. Hồ Chí Minh. *Sđd*, tr. 190.

11. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 5, tr. 197.

Minh là đau nỗi đau nô lệ của tín đồ, là lòng căm phẫn trước tội ác của đế quốc, là sự độ lượng, vị tha trước những sai lầm của con người nhằm mục tiêu độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho đồng bào.

Đau nỗi đau của người dân mất nước, đồng cảm với phận nô lệ của đồng bào, Hồ Chí Minh đã đi khắp năm châu bốn bể để tìm con đường cứu nước, cứu dân. Vì lẽ ấy khi bắt gặp luận cương của Lênin, Người đã “*vui mừng đến phát khóc lên*”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác, nhân dân ta đã làm cuộc Cách mạng Tháng Tám long trời lở đất, đập tan chế độ phong kiến thực dân, giành độc lập tự do cho dân tộc. Trong không khí của những ngày cách mạng, vào dịp Nôen 1945, Bác đã phấn khởi viết thư cho đồng bào Công giáo. Bức thư có đoạn viết: “*Trong lịch sử Việt Nam ta, lần này là lần đầu mà đồng bào Công giáo ta làm lễ Nôen một cách vui vẻ, sung sướng trong nước Việt Nam độc lập tự do. Tôi chắc rằng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của các vị giám mục Việt Nam, đồng bào Công giáo quyết một lòng với nhân dân toàn quốc để giữ vững nền tự do độc lập đó*”⁽¹²⁾.

Với dã tâm xâm lược nước ta, các thế lực thực dân, đế quốc đã dùng đủ trăm phương ngàn kế hòng bắt dân tộc ta khuất phục, Hồ Chí Minh vô cùng công phẫn trước sự tàn bạo của kẻ thù đối với đồng bào. Người nói: “*Đức Chúa đã cho loài người quyền tự do và dạy loài người lòng bác ái. Thế mà thực dân phản động Pháp tàn sát đồng bào ta, phá phách nhà thờ chung, khinh rẻ tôn giáo. Chúng làm trái với lòng của Chúa, chúng sẽ bị tội và sẽ thất bại*”⁽¹³⁾. Người động viên đồng bào giáo dân: “*Hôm nay, đồng bào lễ Chúa trong một bầu không khí chiến tranh, vì*

giặc Pháp còn đang giày xéo trên đất nước ta. Song rồi đây thắng lợi sẽ cho chúng ta lễ Chúa long trọng hơn, trong một bầu không khí vui vẻ và tươi sáng của một nước hoàn toàn thống nhất và độc lập”⁽¹⁴⁾.

Trước âm mưu thâm độc của kẻ thù, một bộ phận đồng bào các tôn giáo vì nhẹ dạ, cả tin đã bị chúng cưỡng bức, mua chuộc chống lại cách mạng. Hồ Chí Minh đã thấu hiểu và thông cảm sâu sắc với đồng bào. Tại nhiều diễn đàn quốc tế, Người đã lớn tiếng tố cáo tội ác của chúng. Người nói: “*Trong hơn 80 năm thống trị nước chúng tôi, bọn thực dân dùng mọi thủ đoạn để chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, chúng áp dụng chính sách cố điển là “chia để trị*”⁽¹⁵⁾. Với số lầm đường lạc lối, Hồ Chí Minh và cách mạng luôn mở lượng khoan hồng. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ năm 1947, Người tha thiết kêu gọi: “*Nhân dịp này, tôi thiết tha kêu gọi đồng bào vì một cơ gì mà lầm đường lạc lối hãy kịp trở về với Tổ quốc. Dù sao các người cũng là ruột thịt. Tôi tin rằng các người không thể nở lòng giúp địch làm cho đồng bào Việt Nam ta khổ nhục mãi; tôi rất đau lòng thấy cảnh nổi da nẫu thịt, huynh đệ thương tàn.*

Tôi mong rằng các người hãy mau mau tỉnh ngộ. Và tôi cam đoan rằng Tổ quốc, đồng bào và chính phủ bao giờ cũng khoan hồng. Một khi các người đã trở về với Tổ quốc thì các người sẽ được

12. Báo Nhân Dân, ngày 27-12-1951.

13. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 4, tr. 121-122.

14. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 5, tr. 333.

15. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội 1995. Tập 5, tr. 156.

hoan nghênh rộng rãi như những người con đi lạc mới về⁽¹⁶⁾.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, các thế lực phản động đã đưa ra luận điệu xuyên tạc về cách mạng, cho rằng cộng sản sẽ cấm đạo, diệt đạo, rằng vì vậy “Chúa đã vào Nam” để dụ dỗ hơn 50 vạn đồng bào Công giáo đi theo chúng. Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo với nhiều bút danh kêu gọi đồng bào chớ mắc mưu địch. Trong thư gửi đồng bào Công giáo dịp Nôen 1954 Người viết: *“Nhân dịp này, tôi xin nhắc lại cho đồng bào rõ: Chính phủ ta thật thà tôn trọng tín ngưỡng tự do. Đối với những giáo hữu đã nhầm di cư vào Nam, chính phủ đã ra lệnh cho địa phương giữ gìn cẩn thận ruộng vườn, tài sản của những đồng bào ấy và sẽ giao trả lại cho những người trở về*⁽¹⁷⁾.

Dẫn ra những vấn đề ở trên để góp phần khẳng định rằng, khoan dung tôn giáo ở Hồ Chí Minh là sợi chỉ đỏ định hướng cho những ứng xử với tôn giáo của Người. Sự khoan dung đó đã vượt lên giới hạn của sự khoan dung của các tôn giáo và các hệ tư tưởng xã hội khác. Nhờ đó Hồ Chí Minh đã quy tụ, tập hợp được sức mạnh không chỉ của dân tộc từ quá khứ đến hiện đại mà còn là sức mạnh của chủ nghĩa nhân văn toàn nhân loại phục vụ sự nghiệp cách mạng. Vì vậy nó trở thành mẫu mực cho chủ nghĩa nhân văn hiện đại và cũng vì lẽ ấy, Hồ Chí Minh được nhân loại thừa nhận không chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc mà còn là danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tư tưởng về sự khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh với nội dung chủ yếu là, khẳng định đồng bào có đạo là bộ phận không thể chia cắt của cộng đồng dân tộc; triệt để tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân; độ lượng, vị tha trước lỗi lầm của một số tín đồ và chức sắc tôn giáo vì mục tiêu độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho đồng bào có một ý nghĩa đặc biệt. Đó là cơ sở góp phần đoàn kết, tập hợp giữa người có đạo với người không theo đạo trong một nỗ lực chung nhằm phát triển và bảo vệ đất nước. Tinh thần đó, một lần nữa được Đảng ta khẳng định trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nhằm: *“phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai*⁽¹⁸⁾”.

16. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb CTQG. Hà Nội. 1995. Tập 5, tr. 214-215.

17. Báo *Nhân dân*, ngày 24-12-1954.

18. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 9, Nxb. CTQG, Hà Nội 2001, tr. 124.